

CHẤT THƠ TRONG TẠP VĂN LỖ TẤN

LUU THU HƯƠNG*

Trong sáng tác văn học nghệ thuật, chất thơ được xem như là một đặc tính quan trọng đem lại sự cuốn hút kỳ diệu cho hình tượng nghệ thuật và tác phẩm. Chất thơ biểu hiện ở cái đẹp của ngôn ngữ và âm điệu, cái đẹp của cảm xúc và ý tưởng, của những khoảnh khắc tâm trạng... Chất thơ chính là sự miêu tả, khắc họa và thể hiện nghệ thuật trong sự giàu đậm ý thơ.

Thông thường, người ta cho rằng chất thơ là một thuộc tính chỉ riêng thơ mới có. Nhưng thực ra, chất thơ có thể tìm thấy trong cả những thể loại văn học khác như văn xuôi (tiểu thuyết, truyện ngắn, tản văn...), kịch... Mở rộng hơn nữa, chất thơ còn có thể tìm thấy trong các loại hình nghệ thuật khác như: âm nhạc, hội họa, sân khấu (múa, kịch câm...)... Chất thơ được tạo nên từ những hình ảnh đẹp, giàu sức biểu cảm, từ những ngôn từ mang tính nhạc điệu, bay bổng, thanh thoát... Vậy là, “cái chất trữ tình bay bổng diệu kì của hình ảnh, âm điệu, ngôn ngữ... vốn là của thơ ca, đến một lúc nào đó lại có thể tìm thấy trong hầu hết các thể loại”.

Trong lịch sử văn học hiện đại Trung Quốc, Lỗ Tấn được biết đến như một nhà tư tưởng lớn, một nhà văn, một nhà lý

luận với nhiều đóng góp cho tiến trình hiện đại hoá văn học Trung Quốc, đặc biệt là ở các thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. Tuy nhiên, bên cạnh hai thể loại nói trên, còn một thể loại văn học khác mà Lỗ Tấn cũng rất thành công, đó là tạp văn. Đây là một hình thức văn học tiêu biểu, phát triển mạnh mẽ từ sau phong trào Ngũ Tứ. Nếu xét về số lượng, tạp văn chiếm tỉ lệ tương đối lớn trong sự nghiệp sáng tác của Lỗ Tấn (chiếm hai phần ba số lượng sáng tác, khoảng 900 bài). Đã có ý kiến cho rằng, tạp văn của Lỗ Tấn không phải là sáng tác văn chương mà chỉ là những bài nghị luận có tính chất minh họa chính trị. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu thật kỹ, chúng ta sẽ nhận thấy trong các tập tạp văn của Lỗ Tấn có rất nhiều bài tạp cảm và đoản bình, loại tạp văn này “là một thể loại tản văn nghiêng về văn học. Mặc dù nó lấy nghị luận làm chính nhưng đã kết hợp hữu cơ các nhân tố văn học, bao gồm màu sắc tình cảm, khung cảnh thơ, hình tượng loại hình và ngôn ngữ mỹ cảm...”⁽¹⁾. Trong các bài tản văn và tạp cảm đó, những yếu tố nghệ thuật mang tính văn học được Lỗ Tấn sử dụng một cách tài tình, hiệu quả và đem lại cho bạn đọc những thụ cảm nghệ thuật sâu sắc.

* Thạc sỹ. Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Ngoài *tính hình tượng* nổi bật, tạp văn Lỗ Tấn cuốn hút người đọc còn bởi *chất trữ tình* đậm thắm, thiết tha trong các cấu tứ nghệ thuật. Lỗ Tấn đã đưa chất thơ vào văn nghị luận để từ đó tạo nên một *thể nghị luận trữ tình* độc đáo rất riêng của ông. Trong tạp văn Lỗ Tấn, chất thơ đóng một vai trò quan trọng trong kết cấu hình tượng nghệ thuật, trong việc thể hiện tâm trạng của cái “tôi” trữ tình, trong sự sắp đặt hình ảnh và chi tiết... Chất thơ toát lên từ bối cảnh, từ hình tượng nghệ thuật, từ cảm xúc, ngôn ngữ và cả từ tình cảm yêu nước và ý chí chiến đấu của chính nhà văn.

1. Hình tượng nghệ thuật giàu chất thơ

Hình tượng nghệ thuật được tạo nên từ rất nhiều yếu tố nghệ thuật: ngoại hình và tính cách, tâm lý và xung đột nội tâm, ngôn ngữ và hành động nhân vật... Vậy “chất thơ” giữ một vai trò như thế nào trong kết cấu hình tượng nghệ thuật? Có thể nói, “chất thơ” bao trùm và gắn kết các yếu tố nghệ thuật kể trên thành một *chỉnh thể hình tượng*, từ đó tạo nên sức sống nội tại, sự sinh động và mối giao cảm của hình tượng nghệ thuật. Khảo sát các tập tạp văn của Lỗ Tấn, có thể nhận thấy ông đã sử dụng những *môtip đặc trưng* như: bối cảnh thiên nhiên, khát vọng và lý tưởng, tâm trạng của cái “tôi” trữ tình... để làm chất kết dính cho các hình tượng nghệ thuật.

Bối cảnh thiên nhiên trong tạp văn của Lỗ Tấn thường được miêu tả gắn với

tâm trạng và nỗi niềm của con người, nói chính xác hơn, đó chính là sự ký thác tâm trạng của chính tác giả:

“Ở quê tôi, mùa thả diều là mùa xuân, cứ tháng hai khi nghe tiếng chong chóng kêu xè xè, ngừng đầu lên thì có thể thấy một cánh diều của màu đen nhạt hoặc một cánh diều rết màu xanh lá mạ... Nhưng lúc đó, trên mặt đất dương liễu đã đâm chồi, sơn đào sớm cũng hé nụ, hoà hợp với sự điểm xuyết của trẻ con trên nền trời, làm cho ngày xuân trở thành dịu dàng, ấm áp. Bây giờ tôi ở đâu đây? Bốn xung quanh vẫn là cảnh tiêu điều của mùa đông giá lạnh” (Điều giấy).

Đặt hình tượng nghệ thuật trong sự giao hòa với bối cảnh thiên nhiên, Lỗ Tấn đã tạo ra những *ý cảnh thơ* đẹp đẽ, trong đó tình và cảnh đan xen, dung hợp. Đây chính là phương thức “cảnh ngụ tình, tình ở trong cảnh” của thơ ca cổ điển Trung Quốc, và Lỗ Tấn đã sử dụng một cách tài tình phương thức này trong một số bài tản văn của ông (*Điều giấy, Dạ tụng, Ghi lại cuộc dạo chơi trong đêm thu...*).

Thiên nhiên trong tạp văn của Lỗ Tấn không phải là những bối cảnh thiên nhiên rộng lớn, hoành tráng mà là những cảnh vật bình thường có thể gặp trên bất cứ con đường nào, dãy phố nào. Đó là những khu vườn, những ngôi nhà bỏ hoang, con đường làng vắng vẻ, một đêm mùa hạ, tiết xuân lành lạnh, hay đơn giản chỉ là một bóng cây tránh nắng giữa trưa hè, một sợi dây treo giàn hoa

tránh nắng, một cây hoa dại... Những hình ảnh tưởng như bình thường, đơn lẻ ấy lại tạo ra một sự điểm xuyết khiến cho bức tranh hiện thực cuộc sống trở nên đẹp đẽ, nên thơ và rất đời quen thuộc.

Cỏ dại (Dã thảo) là một tập tạp văn trữ tình tiêu biểu của Lỗ Tấn. Đó đích thực là những bài thơ văn xuôi kết hợp nhuần nhuyễn giữa tình cảm yêu thương con người và ý chí chiến đấu kiên cường của một người chiến sĩ cách mạng. Trong *Cỏ dại*, hình ảnh thiên nhiên được sử dụng như một phương thức nghệ thuật để biểu đạt những ẩn ức, khắc khoải trong tâm hồn con người: “*Tôi đi dọc theo dãy tường cao đổ nát... Gió nhẹ thổi... Gió nhẹ thổi, bốn bề đất bụi bay bay vù... Đất bụi, đất bụi...*”. Và chính chất thơ đã tạo nên sự biểu cảm mang tính nhân văn cho mỗi hình tượng nghệ thuật, đồng thời nó cũng gắn kết các hình tượng nghệ thuật đơn lẻ thành một hệ thống hình tượng xuyên suốt biểu đạt cho tinh thần của cả thời đại. Ở một mức độ cao hơn, đôi khi thiên nhiên trong tạp văn của Lỗ Tấn được khắc họa và miêu tả như những nhân vật, trở thành những hình tượng nghệ thuật độc lập có đời sống và tính cách riêng. Hãy chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cây hoa dại, “một thứ hoa màu phơn phớt đỏ và nhỏ li ti” mà qua nó, tác giả đã ký thác những nỗi niềm đầy tính triết lí nhân sinh:

“Trong khi đêm lạnh, nó thu mình lại, nằm mơ mơ thấy ngày xuân đến... bướm sẽ bay tung tăng, ong sẽ hát những lời ca

mùa xuân. Thế là nó cười, tuy lạnh, màu sắc đỏ lên một cách thảm hại, nhưng nó vẫn thu mình lại... tiếng cười của đêm khuya văng vặc trong trẻo, như không muốn làm cho người đang ngủ phải thức giấc, nhưng bốn bề không khí đều cười theo”.

Trong *Cỏ dại*, tác giả đã nhìn nhận cây cỏ như những sinh mệnh có sự sống, có tinh thần: “*Cỏ dại, gốc rễ không sâu, hoa lá không đẹp, nhưng hút sương, hút nước, hút máu và thịt những người đã chết làm đủ cách để giành giật lấy sự sống. Trong khi sống, lại bị chà đạp, bị cắt xén, cho đến chết mà tan rữa*”. *Cỏ dại* là hiện thân của sức sống bền bỉ, một thứ cỏ cây tầm thường nhưng lại rất đời nên thơ! Có thể nhận thấy rằng, ẩn dụ và khái quát là những đặc điểm kết cấu nội tại của hình tượng nghệ thuật trong tạp văn Lỗ Tấn, chính những đặc điểm này đã đem đến cho các hình tượng nghệ thuật của ông nội hàm sâu sắc.

Trong tạp văn Lỗ Tấn, chất thơ còn nằm trong lý tưởng và khát vọng của hình tượng nhân vật. “*Lý tưởng và khát vọng của đông đảo nhân dân, chủ nghĩa nhân đạo với những biểu hiện lịch sử của nó là tình cảm khách quan cho chất thơ chân chính ở mỗi thời đại*”⁽²⁾. Trong bài tạp văn *Kỷ niệm chị Lưu Hoà Trân*, lý tưởng và khát vọng chân chính của người nữ học sinh kiên cường đã tạo nên âm hưởng trữ tình bi ai tráng lệ, khiến người đọc cảm thấy bồi ngùi, đau xót:

“Một người thật sự dũng cảm thì dám đương đầu với cuộc đời thảm đạm, dám

nhìn thẳng vào chỗ máu tươi lênh láng. Đau khổ biết dường nào! ... Nhưng máu đã đổ rồi, tất nhiên bất giác nó sẽ lan rộng ra, tôi thiếu cũng sẽ ngấm vào lòng những người thân thuộc, thầy học, bạn bè, người yêu, cho dù thời gian có trôi qua mà phai nhạt đi, thì hình ảnh cũ của chị với nụ cười mỉm, hòa nhã kia vẫn còn mãi mãi trong nỗi đau thương nhẹ nhẹ...”

Có thể nói, *Kỷ niệm chị Lưu Hoà Trân* “tự thân nó đã là một bài thơ văn xuôi trữ tình đẹp đẽ”⁽³⁾.

2. Chất thơ trong tâm trạng và cảm xúc của cái “tôi” trữ tình

Chúng ta đều biết rằng, đặc trưng của thơ là sự thể hiện của cái “tôi” trữ tình. Cái “tôi” trữ tình khiến cho hình tượng nghệ thuật giàu sức thuyết phục hơn, đồng thời thông qua cái “tôi” trữ tình, tư tưởng và chủ đề của tác phẩm sẽ được bộc lộ mạnh mẽ hơn. Có thể nói, cái “tôi” trữ tình là sự hiện diện bộ mặt tinh thần của nhà thơ trong những tác phẩm thơ ca, đó chính là cái “tôi” nhà thơ đã được nghệ thuật hóa, được thể hiện dưới những sắc thái thẩm mỹ phong phú hơn, với chất lượng tư tưởng nghệ thuật cao hơn. Cái “tôi” trữ tình chính là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên phong cách nhà thơ.

Trong tạp văn Lỗ Tấn, cái “tôi” trữ tình được thể hiện rất rõ nét. Đó là một cái “tôi” trữ tình đầy cá tính và cảm xúc mãnh liệt, một cái “tôi” đầy lý tưởng và khát vọng, một cái “tôi” đấu tranh không

ngừng nghỉ cho vận mệnh của quốc gia, dân tộc:

“Tôi xót xa cảm thấy mất đi những người bạn tốt, Trung Quốc mất đi những người thanh niên tốt. Tôi lặng đi trong nỗi đau thương uất ức, nhưng theo thói quen, giữa lúc trầm tĩnh như thế, tôi lại ngẩng đầu lên, làm mấy câu thơ... Đây không phải là một người thanh niên viết kỷ niệm một người già, mà trong ba mươi năm nay, mắt tôi đã thấy bao nhiêu máu của thanh niên đổ ra, cứ lớp này lớp khác, ứ đọng lại, tràn ngập cả người tôi làm tôi đến nghẹt thở. Tôi chỉ có thể viết được chừng ấy, gọi là khoét một lỗ nhỏ trong đồng bùn để cầm hơi. Đòi gì mà lạ đến thế này! Đêm còn dài, đường cũng còn dài, tôi thà quên quách đi, đừng nhắc đến mà hơn. Nhưng tôi biết, nếu không phải tôi thì trong tương lai nhất định có người nhớ đến họ và nhắc đến họ...” (Kỷ niệm để quên đi).

Tâm trạng cái “tôi” trữ tình trong tạp văn Lỗ Tấn là tâm trạng của một cái “tôi” đầy trăn trở, khắc khoải trước những biến động của thời cuộc. Tâm trạng khắc khoải ấy được nhà văn thể hiện bằng thủ pháp luyến láy, lặp đi lặp lại:

“Thế giới hoàng kim ngày mai của loài người các anh có những điều không vừa lòng tôi, tôi không thích tới...tôi không thích ở lại nữa...Tôi không thích! Giời hỡi giời! Tôi không thích! Giời hỡi giời, nếu là hoàng hôn, thì tất nhiên đêm tối sẽ nhấn chìm tôi mất...Nhưng tôi thích chìm trong bóng tối...Tôi thích thế đấy anh bạn ạ!”

Dường như có thể cảm nhận được rất rõ tình cảm đau buồn mãnh liệt của Lỗ Tấn trào dâng trong những đoạn văn trên. Đó là những dòng chữ được viết ra từ tình cảm yêu nước, thương nòi chân thành tha thiết, từ nỗi phẫn uất khôn nguôi trước hiện thực xã hội đầy đau thương, máu và nước mắt. Viết về những vấn đề mang tính chính trị - xã hội với một tình cảm chân thành, sâu sắc, Lỗ Tấn đã tạo nên một *phong cách nghị luận trữ tình* riêng biệt trong thể loại tản văn. Trong tạp văn Lỗ Tấn, tính chính luận và chất thơ đã đạt đến độ hòa quyện nhuần nhuyễn.

Tâm trạng và cảm xúc của cái “tôi” trữ tình còn được nhận biết qua cái nhìn của nó trước không gian và thời gian. Cái “tôi” trữ tình trong tạp văn Lỗ Tấn có một cái nhìn khác khoải về thời gian, dường như nó cảm nhận thấy sự lạnh lùng, đứng đưng của thời gian và đau buồn trước sự phai nhạt của bao biến cố lịch sử trước thời gian. Cảm thức đau buồn trước sự vô thường của thời gian được đẩy lên thành nỗi bi cảm phẫn uất:

“...Thời gian trôi qua rất nhanh, rửa sạch những dấu vết cũ, chỉ lưu lại một sắc máu đỏ nhờ nhờ và một nỗi đau thương nhẹ nhẹ. Trong sắc máu đỏ nhờ nhờ và nỗi đau thương nhẹ nhẹ đó, lại cho con người sống lay lắt qua ngày, duy trì mãi cái thế giới giống như của con người mà cũng không giống con người này” (Kỷ niệm chị Lưu Hòa Trân).

Hình ảnh không gian đêm tối thường trở đi trở lại trong các bài tạp văn của Lỗ

Tấn. Trong cái không gian đêm tối thanh vắng đó, lan tỏa nỗi buồn và những ưu tư của cái “tôi” nhà văn! (*Đạ tụng, Ghi lại cuộc dạo chơi trong đêm thu...*).

Có thể nói, vẻ đẹp trữ tình trong tạp văn của Lỗ Tấn được thể hiện qua khuynh hướng tình cảm mạnh mẽ và sâu sắc của chính tác giả, để rồi từ đó nó thăng hoa thành cảm xúc của cái “tôi” trữ tình trong các bài thơ tản văn. Sự buồn đau hay phẫn nộ trong con người Lỗ Tấn trước hiện thực xã hội đầy đau thương và biến động đã truyền vào ngòi bút của ông dòng cảm xúc tuôn trào, nhiệt thành và tâm huyết. Ông đã truyền tới các hình tượng nghệ thuật sức sống, gửi gắm vào đó nỗi đau, niềm hy vọng và cả sự phẫn uất của mình. Tất cả những điều đó đã tạo nên âm hưởng trữ tình và cảm hứng nhân đạo cao cả trong những trang viết của ông.

3. Ngôn ngữ giàu hình ảnh và ý thơ

Ngôn ngữ thơ thường giàu tính nhạc điệu và hình ảnh trong thơ thường có sức biểu cảm cao. Trong tạp văn của mình, Lỗ Tấn thường hay sử dụng lối phức bút, láy từ, láy ngữ để tạo nên nhịp điệu cho các bài thơ văn xuôi. Ngoài ra, ông còn vận dụng một cách tài tình, khéo léo các thủ pháp biểu hiện của nghệ thuật thơ ca như: so sánh, liên tưởng, đối ngẫu, điệp từ, láy từ... Sự vận dụng tổng hợp các thủ pháp nghệ thuật ấy đã khiến cho tạp văn của Lỗ Tấn vừa mang tính triết lý sâu xa, vừa có ngôn ngữ thơ chất lọc, lại vừa thấm đượm tình cảm mãnh liệt của nhà văn, và cuối cùng

nó tạo nên sự cộng hưởng cảm xúc nơi người đọc.

Tạp văn của Lỗ Tấn được cấu thành bởi những hình ảnh và ý tưởng rất mới lạ, và sự mới lạ đó được thể hiện thông qua những so sánh và liên tưởng chính xác và thú vị. Có thể nói, Lỗ Tấn luôn luôn gọi đúng tên sự vật và luôn luôn biết cách đặt các sự vật trong một sự đối trọng gây ngạc nhiên và bất ngờ. Thủ pháp so sánh và liên tưởng giúp Lỗ Tấn chỉ ra được đặc trưng tính cách của sự vật và con người. Chẳng hạn như ông dùng hình ảnh “khoét chỗ thối trong quả táo” để nói về vấn đề phê bình nghệ thuật không nên quá cầu toàn, hình ảnh “con sơn dương cổ đeo lục lạc, đi đầu đàn dê để dẫn cả đàn vào lò mổ” để so sánh với các học giả không chân chính, hình ảnh “một phiến đá dưới lều, một hòn đất trong vườn cây” tượng trưng cho những nhà văn trẻ, dững cảm chiến đấu cho một nền văn nghệ mới - “văn nghệ vô sản”, hình ảnh “con muỗi trước khi hút máu người còn vo ve nghị luận một hồi” để đặc tả bản chất của bọn đế quốc và tay sai... Những hình ảnh này mang ý nghĩa khái quát cao, diễn tả được trọn vẹn dụng ý của tác giả và quan trọng hơn cả nó tác động trực tiếp đến cảm quan người đọc về nhân tình thế thái và về những hiện trạng của thời cuộc.

Ngay cả khi bàn về một vấn đề mang tính chính trị - xã hội tưởng chừng rất khô khan: vấn đề giải phóng cá tính và cải cách gia đình, Lỗ Tấn cũng thể hiện

quan niệm của mình về vấn đề này bằng một hình ảnh rất giàu chất thơ:

“Chúng ta sẽ gánh lấy cái gánh nặng của tập quán, vai ghì lấy cái cánh cửa chặn bóng tối, thả cho bọn trẻ bay nhảy đến nơi tươi sáng rộng rãi, rồi từ đó được sống sung sướng, được làm người một cách hợp lý”(Ngày nay chúng ta làm cha như thế nào?)

Bên cạnh việc sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, hàm súc và cô đọng, Lỗ Tấn còn hay dùng phép ẩn dụ (hay là so sánh ngầm) làm phương thức nghệ thuật để tạo dựng hình tượng nghệ thuật, và nó đã đem đến cho tạp văn của ông chất văn chương sâu sắc, giàu biểu cảm. Trong bài tạp văn *Đêm thu*, khi tác giả miêu tả thân cây táo đã trơ trụi lá mà vẫn cứ “*như một thanh sắt, lặng lẽ chọc thẳng vào bầu trời cao một cách kỳ quái, một mực muốn làm cho nó chết, mặc dù nó cứ nhấp nháy những con mắt quỵến rũ bằng mọi cách*”, người đọc có thể ngầm hiểu rằng tác giả đang nói tới sự kiên gan, bất khuất, vượt lên mọi khó khăn, gian khổ của người chiến sĩ cách mạng.

Kết luận

Tạp văn là một mảng quan trọng trong sự nghiệp sáng tác văn chương của Lỗ Tấn. Nếu cho rằng tạp văn Lỗ Tấn đơn thuần chỉ là những bài báo mang tính chính trị và chỉ có ý nghĩa trong một giai đoạn lịch sử, vô hình chung, chúng ta đã phủ nhận những giá trị

nghệ thuật cũng như những tư tưởng tiến bộ mang tính thời đại trong những sáng tác văn học đích thực của ông. Ở thể loại văn học này, Lỗ Tấn đã thể hiện được những quan niệm nghệ thuật riêng biệt của mình về hiện thực xã hội và nhân sinh, những quan niệm đó tựu chung thể hiện thông qua ba nội dung chính, đó là: chống đế quốc, chống phong kiến; cải tạo “quốc dân tính”; đấu tranh cho một nền văn học mới có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của một xã hội mới tốt đẹp hơn, công bằng hơn. Giá trị nghệ thuật và tư tưởng của tạp văn Lỗ Tấn, như chính nhà văn đã nhận xét, là ở chỗ nó “gắn bó chặt chẽ với hiện tại, sinh động, sâu cay, có ích mà cũng có thể lay chuyển lòng người”. Và “sự lay chuyển lòng người” đó có được chính là nhờ ở chất thơ, chất trữ tình lan tỏa.

Xét về đặc trưng thể loại, tạp văn của Lỗ Tấn được nhận diện bởi *tính hình tượng* độc đáo mang ý nghĩa châm biếm, đả kích sâu cay và *chất nghị luận trữ tình* bi thương, hào hùng. Đó chính là những đóng góp của ông về mặt nghệ thuật cho thể loại tản văn của văn học Trung Quốc, đem đến cho thể loại này sự cách tân và “tính hiện đại”. Nếu như tính hình tượng là đặc điểm quan trọng xác định giá trị nghệ thuật của tạp văn Lỗ Tấn thì sự kết hợp tài tình giữa *tính chính luận và chất trữ tình* là một đặc điểm độc đáo, riêng biệt của tạp văn Lỗ Tấn, là sự sáng tạo mới mẻ tạo nên

phong cách của ông, phong cách của một nhà văn - chiến sĩ!

CHÚ THÍCH:

(1) Lương Duy Thứ: *Lỗ Tấn, tác phẩm và tư liệu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 323.

(2) Nhiều tác giả: *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 211.

(3) Lương Duy Thứ: *Lỗ Tấn, tác phẩm và tư liệu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 328.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Ân Ba, Trịnh Thu Lôi: *Văn học Trung Quốc*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2002.

2. Phan Văn Các: *Thơ Lỗ Tấn*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2002.

3. Trương Chính: *Tuyển tập tạp văn Lỗ Tấn* (2 tập), Nxb Văn học, Hà Nội, 1963.

4. Trương Bồi Hằng (chủ biên): *Trung Quốc văn học sử*, 1996 (tiếng Trung; 张培恒主编。中国文学史。复旦出版社。1996年。)

5. Phương Lựu: *Lỗ Tấn, nhà lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998

6. Nguyễn Khắc Phi (chủ biên): *Lịch sử văn học Trung Quốc*, T2, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2002

7. Nhiều tác giả: *Lịch sử văn học Trung Quốc* (2 tập), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998

8. Nhiều tác giả: *Khái yếu văn học Trung Quốc*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2000.

9. *Tuyển tập Lỗ Tấn*, Nxb Văn học, 2000.

10. Lương Duy Thứ: *Lỗ Tấn, tác phẩm và tư liệu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.